

HOA VĂN CẠP VÁY MƯỜNG VÀ HOA VĂN TRỐNG ĐÔNG SƠN

DẶNG VIỆT BÍCH

Văn hóa Đông Sơn là cả một thời đại phát triển rực rỡ, toàn thịnh của đồ đồng, cụ thể hơn, của đồ đồng thau hay hợp kim đồng - thiếc - chì.

Chủ nhân văn hóa Đông Sơn là người Lạc Việt. Nhưng *người Lạc Việt là ai, thế nào là khái niệm Lạc Việt* thì cho đến nay người ta cũng chưa xác định được thật rõ.

Trước đây các học giả người Pháp gốc Nga V.Goloubew (1936) và người Pháp J.Cuisinier (1946) cho rằng văn hóa và tộc người thời đại Đông Sơn quan hệ mật thiết với dân tộc Mường. Trong một công trình khảo cứu công phu và hấp dẫn nhà nghiên cứu Từ Chi (tức Trần Từ) đã đi theo hướng nghiên cứu mà các đồng nghiệp lớp trước người Âu xác định. "*Hoa văn Mường*"⁽¹⁾ của ông đã đề cập tới quan hệ giữa người Mường và văn hóa Đông Sơn.

Tác giả "*Hoa văn Mường*" đã chỉ ra rằng với người Mường nghệ thuật trang trí của họ được hiện diện rõ rệt, đầy đủ hơn hết trong các mô-típ trang trí *hoa văn cạp váy* mà tiếng Mường gọi là *Klôôc waal* (tức *tróc váy, đầu váy*). Điều này ở người Mường khác biệt với các dân tộc ít người khác. Người Thái có nhà sàn và *phà* (chăn) với hoa văn độc đáo của họ. Trong khi đó nhà sàn Mường không phải là chỗ bộc lộ tài năng nghệ thuật trang trí truyền thống của dân tộc.

Quần áo nam giới Mường không có gì đặc biệt. Y phục nữ giới Mường có sự đặc sắc tập trung nơi cạp váy, trong khi váy và áo

của họ lại chỉ là một sự tương phản đen - trắng tẻ nhạt, nếu một khi tước đi hoa văn trang trí độc đáo trên cạp váy Mường.

Tác giả đã đưa ra một nhận xét là cạp váy người Mường tiếp thu, nhiều khi bê nguyên xi hoa văn trang trí ở phà Thái. Ông đã gắng thuyết phục độc giả rằng hoa văn cạp váy Mường và hoa văn Trống Đông Sơn có mối tương quan chặt chẽ. Tác giả cho rằng mối tương quan ấy là: văn hóa Đông Sơn được tích hợp vào cạp váy Mường. Kết cấu của vòng tròn đồng tâm trong trống đồng được biến thành hoa văn hình *dải thẳng* nơi cạp váy.

Từ Chi nói rằng văn hóa Đông Sơn không phải chỉ được bảo lưu ở người Mường mà còn ở một số dân tộc khác nữa. Nhưng theo ông, *người Mường bảo lưu nhiều hơn hết*, và văn hóa Đông Sơn được cấu trúc hóa lại theo một kiểu độc đáo của người Mường.

Tìm được giữa văn hóa Đông Sơn và hoa văn người Mường có mối liên hệ là rất quan trọng. Nhưng ai là chủ nhân văn hóa Đông Sơn? Theo kiểu diễn giải của Từ Chi thì văn hóa Đông Sơn sau khi giải thể đã được tộc người Mường và một số tộc người khác nữa tích hợp và bảo lưu mà Mường là tộc người bảo lưu ở mức độ sâu sắc nhất.

Phải chăng người Mường đã tích hợp các yếu tố Đông Sơn vào văn hóa của họ hay ngược lại - chính văn hóa Đông Sơn là sự phát triển và tích hợp cả hoa văn cạp váy Mường, ít nhất hai cái này cũng ra đời song

song?

Ta biết rằng con người ta giải quyết những vấn đề ăn, ở, mặc trước. Y phục phải có trước. Cạp váy và váy phụ nữ Mường phải có trước, trước cả trống đồng. Mà hoa văn cạp váy Mường, như Từ Chi, chia ra: nhiều khi được người Mường bê nguyên xi hoa văn *phà Thái*.

Ta hãy thử đặt ngược lại với cách đặt vấn đề của Từ Chi và Goloubew rằng: phải chăng chính hoa văn trang trí trên mặt trống Đông Sơn tiếp thu ảnh hưởng của hoa văn cạp váy Mường. Và cạp váy Mường có trước, với những hoa văn ta đã thấy và nó được bê vào trong hoa văn trống đồng, từ *dải thăng* sang kiểu vòng tròn đồng tâm.

Trình bày hoa văn trên một hình chữ nhật, theo *dải thăng* nơi đầu váy (cách làm 1) dễ dàng, đơn giản hơn là một sự trình bày theo *hình tròn đồng tâm trên mặt trống* (cách làm 2). Cách làm thứ hai đòi hỏi phải có một sự tưởng tượng hơn cách làm thứ nhất.

Chúng ta hãy đề cập tới vấn đề nguồn gốc người Mường để làm rõ hơn vấn đề nêu trên. Truyền thuyết *Thánh Tân Viên (Sơn Tinh - Thủy Tinh)* ngoài sự phản ánh cuộc đấu tranh bền bỉ của người Việt cổ chống thủy tai còn mang một nội dung xã hội cực kỳ quan trọng là sự hợp nhất giữa hai nhóm Hùng Vương (Thái Trắng - Tày cổ) và Sơn Tinh (Môn - Khơ-me cổ). Địa vực của Hùng Vương là dải đất hẹp ven sông Thao từ Lào Kay chạy về Phong Châu và từ đây chạy về Hà Bắc. Còn Sơn Tinh là thần của các tộc nhóm Môn - Khơ-me ở Ba Vì, hạ lưu sông Đà, vùng sông Mã.

Trong cấu trúc ngôn ngữ ta thấy trong tiếng Mường có một sự hỗn hợp giữa tiếng Môn - Khơ-me và tiếng Thái - Tày. Thần thoại Mường cũng hé cho thấy ảnh hưởng của cả các yếu tố folklore Thái - Tày và Môn - Khơ-me. Truyện Pú Lương Quân của Tày có nói tới chuyện hai anh em ruột Báo

Luông và Sao Cải (anh Dài - chị Lớn) lấy nhau sinh 100 người con, mỗi người dẫn 50 con đi ra hai phía khác nhau. Thần thoại Mường có nói tới chuyện đôi chim Ấy - cái Úa đẻ 100 quả trứng, 50 nở thành người Kinh về xuôi, còn 47 quả trứng nở thành các dân tộc thiểu số ở miền núi, ba quả trứng lớn nở thành nàng Vạn Hai Kíp và Lang Tá Cán (Lang Cun Cán) cùng Lang Đá Cài.

Người Thái có truyện dây nối Đất và Trời. Sau ông Trời cho chặt đứt dây, hết đường lên trời. Người Thái, người Lào (cũng thuộc nhóm Thái) và nhiều tộc Môn - Khơ-me sống ở Bắc Đông Dương có truyện *Quả bầu mẹ*, các dân tộc người khác nhau ở khu vực Đông Nam Á được sinh ra từ một quả bầu chung.

Thần thoại Mường nói tới *cây si* (cây thần) đẻ ra đất, các Mường, ra chim chóc, ra Trời, trăng sao, ra mụ Dạ Dần. Từ cây si thần - cây vũ trụ đẻ ra 1919 nhánh tương ứng với 1919 Mường khác nhau. Đây là mô-típ quen thuộc trong văn học dân gian Đông Nam Á, người sinh ra từ cây quả, từ mía đẻ ra người, từ tre đẻ ra người (trong thần thoại Ma-lai-xia-a, Phi-líp-pin, những tộc người nhóm Mã Lai - Đa đảo), từ quả bầu mẹ chui ra hàng loạt tộc người khác nhau trong truyền thuyết dân gian các nhóm Thái tộc và một số nhóm Môn - Khơ-me (Vân Kiều, Katu...).

Đáng chú ý là hoa văn cạp váy Mường cóp nguyên xi - hay gần như vậy - hoa văn *phà Thái*.

Trước đây người ta vẫn đồng ý với nhau rằng người Mường là hệ quả của sự hỗn dung chủng tộc, văn hóa giữa một nhóm người Môn - Khơ-me nào đó với một nhóm Tày - Thái nào đó, đồng thời tiếp thu thêm ít nhiều ảnh hưởng của một nhóm thứ ba.

Song bảo rằng truyền thuyết *Sơn Tinh - Thủy Tinh* là sự phản ánh quá trình hợp nhất một bên có cội nguồn Thái - Tày và bên khác là Môn - Khơ-me thì người ta không chú ý tới mà hể nói tới truyền thuyết đó

thì các nhà nghiên cứu đều chăm chăm bảo đây là sự phản ánh cuộc đấu tranh anh hùng, kiên trì chống thủy tai của người Việt cổ.

Không ai bảo rằng không có vấn đề chống lũ lụt ở đây. Nhưng vấn đề là cuộc đấu tranh chống lũ lụt và sức công phá ghê gớm của nước phải công một nội dung thứ hai, mà đây mới là nội dung cốt lõi, đích thực của thiên thần thoại.

Lê Văn Lan có nói rằng khảo sát các lễ hội diễn lại đám cưới Sơn Tinh - My Nương người ta nhận thấy các đám cưới này y hệt đám cưới của dân tộc Mường hiện nay⁽²⁾.

Yếu tố thứ ba, làm thành chất xúc tác của sự hợp nhất Hùng Vương - Sơn Tinh hay là sự hợp nhất Thái - Khơ-me chính là đám người từ biển tới, một dân tộc người nào đó thuộc nhóm Nam Đảo (Malayo - Polunesien) thờ thần nước hay thần biển, folklore gọi là Thủy Tinh. Từ khi hợp nhất người Mường tiếp thu tinh hoa của cả hai giống bố (Sơn Tinh) và mẹ (My Nương) và trở nên một tộc người hùng mạnh, nhiều thiên tư, nhiều tài năng sáng tạo, một tộc người năng động, kiểm soát một vùng đất khá rộng lớn ở sông Hồng, sông Mã, sông Lam.

Chính họ đã góp phần đẩy văn minh ở vùng sông Hồng từ Phùng Nguyên, qua Đông Đậu và Gò Mun cũng như văn minh sông Mã qua ba giai đoạn Cồn Chân Tiên, Bái Man và Quý Chủ tiến vào giai đoạn Đông Sơn vô cùng rực rỡ, tỏa sáng ra cả Đông Nam Á cổ đại, vào vùng Giang Nam Bách Việt.

Ngày nay người Mường chỉ còn tập trung nhiều nhất ở tỉnh Hòa Bình, một phần quan trọng ở tây Thanh Hóa, một phần Hà Tây, một phần Vĩnh Phú, Yên Bái và Sơn La. Nhưng vào thời Đông Sơn thì họ, đúng hơn là tổ tiên của họ, tức người Mường cổ, chiếm lĩnh một lãnh thổ rộng lớn từ lưu vực sông Hồng qua châu thổ sông Mã vào cả sông

Gianh. Họ sống cả ở miền núi, trung du, đồng bằng, ven biển.

Sự hợp nhất hai tộc người vốn đã phát triển, tinh hoa của nhóm Tày - Thái cũng như tinh hoa của nhóm Môn - Khơ-me đã đẩy nền văn minh ở cả hai khu vực sông Mã và sông Hồng tiến tới một bước phát triển nhảy vọt về chất - sự xuất hiện và toàn thịnh của văn hóa đồng thau mà lịch sử đã chứng kiến.

Hoàn toàn có thể nói không ngoa rằng vào thời Đông Sơn người Mường, nói đúng hơn, Mường cổ là tộc người chủ thể nước Văn Lang, làm thành nội dung khái niệm Lạc Việt.

Cái tên Lạc Việt cần được đặt trong hệ thống với hàng loạt cái tên Việt khác - Dương Việt, Tây Việt, Âu Việt, Mân Việt, Đông Việt, Nam Việt... làm thành gia đình Bách Việt. Từ Việt ta có thể phỏng đoán có gốc là *Dịt* (*Zit, Yit*). Thần thoại Mường nói tới qua Yít Yang (*Dịt Dàng*). Còn Lạc có thể xuất phát từ từ *Lắc* (hay *Dak, Dlak, Drak, Rak, Nak*,...) nghĩa là nước, sông. Ở Nghệ Tĩnh có con sông tên là *Rác*, nghĩa cổ của Rác chỉ là nước, sông. Ta cần chú ý tới sự giải thích của thư tịch Hán cổ khi tiếp xúc với người Việt đã nói rằng *ruộng Lạc (Lạc Điền) là ruộng nước*. Lạc Việt có thể là *Dịt Lắc*, nghĩa là giống Việt sống gần nước, ở vùng sông nước (sông biển).

Nếu thời điểm mở đầu Đông Sơn là từ 700 năm trước CN và kết thúc ở 100 năm sau CN (theo Hà Văn Tấn trong *Lịch sử tư tưởng Việt Nam*, tập I, Nxb KHXH, Hà Nội, 1993, tr.49) hay mở đầu từ 830 trước CN và kết thúc 280 sau CN (theo giáo trình *Lịch sử Việt Nam*, tập I, Trường đại học Tổng hợp Hà Nội, Nxb Đại học và trung học chuyên nghiệp, Hà Nội, 1985) thì ta hoàn toàn có thể đoán định được thời điểm hợp nhất Sơn Tinh - Hùng Vương ít nhất cũng mất 100 năm (4 đến 5 thế hệ) để hình thành

ra được một tộc người mới. Tôi nói *ít nhất*. Như vậy thời điểm hợp nhất này có thể là 800 năm trước CN (nếu theo Hà Văn Tấn trong LSTTVN tập I) hoặc 1000 năm trước CN (nếu theo giáo trình Lịch sử Việt Nam tập I). Thần thoại nói Thủy Tinh hàng năm dâng nước đánh Sơn Tinh. Rất có thể trong thực tế đã diễn ra nhiều đợt tiến công liên tục vào đồng bằng sông Hồng.

Nhóm Hùng Vương cũng như nhóm Sơn Tinh ít nhất cũng phải được tồn tại chừng 500 năm. Thời gian hình thành của mỗi nhóm cũng phải quá 5 thế kỷ.

Như vậy nhóm Hùng Vương có thể bắt đầu hình thành quá 2000 năm trước tây lịch, nghĩa là thời điểm bắt đầu của văn hóa Phùng Nguyên. Và nhóm Sơn Tinh bắt đầu sự nghiệp ở niên đại 2000 năm trước Thiên chúa của văn hóa Cồn Chân Tiên ở vùng sông Mã. Giai đoạn hỗn hợp của hai bên diễn ra gói trọn trong giai đoạn Gò Mun sông Hồng và Quỳnh Chử sông Mã (-1100 đến -700). Một sự đoán định như thế không xa với cách nghĩ và cách phát biểu quen thuộc về lịch sử 4000 năm văn hiến của người Việt ta.

Đông Sơn là thời kỳ văn hóa Mường cổ - Việt cổ - Lạc Việt đã chín muồi, thuần thực. Sách "*Việt sử lược*" có nói đến sự kiện một dị nhân Bộ Gia Ninh là Hùng Vương dùng *ảo thuật* áp phục các bộ lạc khác, thống lĩnh các bộ lạc vào đời Chu Trang Vương (-694 đến -682). Đây là Hùng Vương của giai đoạn sau, khi hai bên Sơn Tinh - Hùng Vương đã hợp nhất. Sơn Tinh được làm rể vua Hùng nghĩa là tộc người thờ thần Núi gốc Môn - Khơ-me cư trú tại một vùng rộng lớn xung quanh Ba Vì, hạ lưu Đà giang, lưu vực Mã giang, Lam giang đã thuận tình chấp nhận Hùng Vương làm thủ lĩnh tối thượng của cả hai bên đã thống nhất. Người Mường lúc này đã trở nên *một tộc người có sự thống nhất hữu cơ, nội tại*, tự phân biệt họ với

các nhóm Thái tộc và Môn - Khơ-me khác. Họ đạt tới một sự năng động khác thường. Họ đã đúc được trống Đông Sơn, pha được chì vào đồng thau (hợp kim đồng - thiếc) thành hợp kim đồng - thiếc - chì. Nội dung của cái gọi là *ảo thuật* gồm hai phần: công nghệ đúc trống Đông Sơn và tín ngưỡng thờ thần trống đồng.

Ngay bộ sử thi thần thoại nổi tiếng *Đẻ đất Đẻ nước* cũng thể hiện một năng lực sáng tạo tinh thần tuyệt vời của người Mường cổ - Việt cổ. Cũng xuất phát từ một mô-típ nền móng Đông Nam Á cổ đại là người sinh ra từ cây quả (thực vật) song hình tượng Cây vũ trụ - cây si thần có bốn róng, róng trên cùng sinh trăng sao, róng dưới sinh chim muông, róng thứ ba sinh các Mường... là một hình tượng nghệ thuật tuyệt diệu, vô cùng kỳ vĩ, phi phàm.

Vấn đề công cụ sản xuất đóng một vai trò rất quan trọng trong tiến trình lịch sử nhân loại. Từ lâu Các Mác chỉ ra điều này. Đồ đồng xuất hiện làm cho con người ta tăng thêm sức mạnh. Tộc người nào làm chủ được công nghệ đúc đồng, chế được trống Đông Sơn, sẽ nắm trong tay sức mạnh vật chất, sức mạnh quân sự, trước khi đồ sắt xuất hiện.

Hùng Vương, thủ lĩnh tối cao người Mường cổ - Việt cổ, có trong tay trống Đông Sơn, biểu tượng của quyền uy, sự giàu có, sự linh thiêng nên đã quy tụ được các tộc người khác yếu kém hơn vì không có trống đồng hay đúng hơn là không sở hữu bí quyết chế tác trống đồng. Có thể Hùng Vương không chỉ là thủ lĩnh thế tục, thủ lĩnh tộc người, thủ lĩnh chính quyền, thủ lĩnh quân sự mà ông ta còn là thủ lĩnh tôn giáo. Hùng Vương độc quyền nắm trong tay công nghệ đúc trống Đông Sơn và là chủ tế của tôn giáo thờ thần Đồng cổ, do vậy ông ta và dòng họ hoàn toàn làm chủ tinh thể trong suốt một khoảng không gian địa lý rộng lớn từ sông Hồng

và sông Mã, sông Lam, phát huy ảnh hưởng đến tận sông Gianh ở phía Nam, vùng Việt Bắc, đến Hà Giang, Lào Cai, có thể sang cả một phần Lương Quảng. Ảnh hưởng trực tiếp của Đông Sơn không vượt quá Hải Vân.

Đúc trống Đông Sơn là một sự kiện lịch sử trọng đại. Năm 1964 người ta đã thí nghiệm đúc trống Đông Sơn nhưng thất bại. Vào thập kỷ 70 tuy đúc thành công nhưng chất lượng trống không được như trống nguyên gốc. Chỉ riêng điều ấy cũng chứng tỏ tài nghệ của chủ nhân văn minh đồng Đông Sơn là thế nào!

Thời đại đồ đồng đi liền với sự hiện diện tổ chức và cấu trúc nhà nước sơ khai, với việc hình thành các bộ sử thi, các anh hùng ca cổ đại. Và một điều quan trọng nữa là sự hình thành chữ viết. Tuy nhiên điều sau cùng này lại là điều khó khăn vì chỉ một số khu vực hiếm hoi mới có vinh hạnh được đóng vai trò trung tâm phát nguyên văn tự của nhân loại (Ai Cập, Babylon, Ấn Độ, Trung Quốc).

Trong số các dân tộc ít người nước ta ngoài người Ê Đê ra thì người Mường có nền văn học dân gian phong phú, phức tạp và dày đặc nhất. "*Đẻ đất, Đẻ nước*" (*Tẻ Tấc, Tẻ Rác*) còn chưa hết làm bàng hoàng, kinh ngạc và xúc động giới nghiên cứu và bạn đọc nước ta thì hàng loạt các truyện thơ, Mo Mường vừa đây lại ấn hành.

Chắc chắn các sử thi Mường được manh nha từ trong giai đoạn Đông Sơn. Khi hình thành nhà nước sơ khai, văn minh đồng xuất hiện thì cũng chính là lúc mà các sử thi thần thoại, anh hùng ca được sáng tạo.

Song ta cũng cần thấy một điều là ngôn ngữ cổ của người Kinh có thể tìm thấy dấu tích ở ngôn ngữ hiện nay của tộc người Mường. Y phục cổ của người Kinh có thể tìm thấy ở sắc phục Mường. Nhưng áp dụng điều này vào trong thần thoại Mường cần có sự dè dặt. Vì thần thoại, sử thi Mường tuy phản

ánh những suy tư của người Mường từ cổ chí kim, nhưng không gian và môi trường địa lý trong đó diễn tả các sự kiện lịch sử đa phần thu hẹp vào các Mường mà họ sinh sống hiện giờ. Trong khi đó môi trường địa lý của người Mường thời Đông Sơn là nước Văn Lang với 15 bộ, ở cả ba dòng sông lớn Hồng, Mã và Cả (Rum); cũng như lan tỏa tới tận sông Gianh ở phương Nam, lên tận Lào Kay và Hà Giang phía Bắc, lan xa về hướng Đông Bắc. Tuy nhiên phương pháp tư duy ở trong các sử thi Mường phản ánh phương pháp tư duy của tổ tiên người Việt chúng ta, và đó là điều quan trọng.

Lâu nay giới nghiên cứu trong nước và quốc tế đều công nhận người Việt và người Mường có chung một gốc, có một thời kỳ lịch sử khá dài cả hai còn chưa tách biệt nhau. Thậm chí người ta còn quan niệm rằng thời điểm chia tách Kinh - Mường là thế kỷ XI, có người còn đẩy thời điểm đó lên tận thế kỷ XV. Một khi đã công nhận cả hai có một thời kỳ chỉ là một thì người ta, dù muốn dù không, cũng phải thừa nhận rằng Hùng Vương không phải chỉ là vấn đề lịch sử của riêng người Việt mà còn là của cả người Mường nữa.

Từ Chi viết trong *Hoa văn mường*:

"Nhưng trên cạp váy, "*trống đồng*" nhất lại là hoa văn động vật. Không phải vì từng mô-típ động vật trên trống đồng. Mà bởi vì cũng như trống đồng, cạp váy giành vị trí hàng đầu cho hoa văn động vật: cùng với các trống đồng cổ, cạp váy Mường - xin nhắc lại - "xuất trình một nền nghệ thuật không mấy phổ biến ở Việt Nam"⁽³⁾.

Sự ưa chuộng mô-típ trang trí động vật trong cạp váy Mường và trống Đông Sơn có thể là hệ quả của việc người Mường tiếp thu thành phần nhân chủng của một tộc người Môn - Khơ-me nào đó sống bằng săn bắt. Cũng có thể giải thích thêm ở chỗ nhóm người Thái của Hùng Vương - My Nương

là một tộc Thái Trắng (Táy Khao) thờ gà, mà gà cũng thuộc giống chim.

Sự hiện diện của nhiều mô-típ động vật trên mặt trống đồng và cạp váy Mường chứng tỏ rằng thời kỳ hình thành người Mường tam giác châu Bắc Bộ cũng đương trong quá trình hình thành. Đồng bằng sông Mã cũng tương tự như vậy. Cho nên xuất hiện nhiều hình con vật như chim, cò, cóc, cá và cả cá sấu, thường luồng... trên mặt trống.

Trang trí hoa văn cạp váy Mường còn phong phú ở chỗ có con Roong (Rông) và con Xơng, một động vật gần với Rông nhưng không hẳn là Rông của người Mường. Nhiều động vật gia nhập hàng ngũ hoa văn cạp váy vào thời kỳ sau, khi văn hóa Đông Sơn đã bị giải thể, người Mường đã tiếp thu khái niệm con Roong.

Sự phát hiện của Từ Chi về mối tương quan giữa hoa văn trống Đông Sơn và mô-típ trang trí cạp váy Mường rất quan trọng. *Song cách trình bày của Từ Chi về mối quan hệ này chỉ là sự thể hiện quá trình tìm ra mối liên hệ giữa hai sự vật, chưa phải đích thực mối liên hệ giữa trống Đông Sơn và cạp váy Mường.*

Mối quan hệ giữa hai sự vật này, cái gì là chính bản và đâu là phiên bản thì cần giải quyết theo chiều ngược lại cách diễn đạt của Từ Chi. *Nghĩa là cạp váy Mường xuất hiện trước, trống Đông Sơn có sau. Hoặc cả đôi xuất hiện song song.*

Người Mường cổ là chủ nhân của văn hóa Đông Sơn và là kẻ sáng chế ra trống đồng Lạc Việt. Chính họ làm nên khái niệm tộc người Lạc Việt. Văn hóa Đông Sơn sau khi giải thể không phải bị hay được tích hợp vào văn hóa Mường mà chính người Mường tồn tại trong và sau Đông Sơn, bất chấp sự cáo chung của Đông Sơn.

Học giả Từ Chi đã trình bày trong cuốn sách nhỏ nhưng có tiếng vang xa và rất có giá trị của ông hoa văn mặt trời với 12 cánh

trên mặt trống và coi đây là tiêu biểu của hoa văn mặt trời trên vòng tròn đồng tâm của trống đồng. Tuy điều này không thể hiện ra trên mặt chữ nhưng nó được thông tin với chúng ta trên mặt giấy, trong hình ảnh chú thích của cuốn sách "*Hoa văn Mường*". Và hoa văn hình mặt trời với 8 cánh sao trên trống váy Mường được Từ Chi coi như là sự diễn giải hình mặt trời 12 cánh sao trên mặt trống Đông Sơn hình tròn ra đường dải thẳng trên trống váy.

Nhưng nếu chịu khó quan sát, cũng không mất nhiều công lắm, chỉ bằng mắt thường cũng thấy trong trống Đông Sơn còn có hình mặt trời với nhiều cánh sao khác nữa, không phải chỉ có 12 cánh mặc dù loại 12 cánh là thông dụng. Ta còn thấy các hình mặt trời với số cánh khác 12:

- Loại 16 cánh (trống Quảng Chính, trống Tùng Lâm, trống Hoàng Hạ).

- Loại 11 cánh (trống Hích).

- Loại 10 cánh (các trống Nha Trang, Làng Vạc IV, Phù Lưu).

- Loại 9 cánh (trống Thạch Trại Sơn - Vân Nam).

- Loại 8 cánh như ở cạp váy Mường (các trống Quảng Xương, Pác Tà, Việt Khê, Hoàng Vinh, Đông Sơn V).

- Loại 7 cánh (trống Làng Vạc V).

- Loại 6 cánh (các trống Bình Đà, Lai Thượng).

- Trống Đào Xá thì hình mặt trời không có tia mà chỉ là một u nổi, trong một vòng tròn.

Ta thấy ngay hoa văn mặt trời 8 cánh cũng hiện diện trên mặt trống. Trong khi đó hoa văn mặt trời ở cạp váy lại chỉ có loại 8 cánh sao mà thôi. Như vậy không thể nói như Từ Chi rằng hoa văn cạp váy là sự diễn giải trên dải thẳng họa tiết mặt trời 12 cánh sao trên mặt trống.

Điều quan sát trên càng góp phần chỉ

ra rằng hoa văn mặt trời ở mặt trống đồng phong phú hơn hoa văn mặt trời nơi cạp váy. Nó xuất hiện trên mặt trống sau khi đã xuất hiện trên cạp váy Mường. Người chế tác trống Đông Sơn đã bê nguyên xi hoa văn mặt trời 8 cánh sao ở cạp váy Mường và còn sáng tạo ra nhiều loại mặt trời với các loại cánh khác nhau, từ 6 đến 7, 8, 9, 10, 11, 12, 17. Kết quả trên đây quan sát được từ các tài liệu "Trống Đông Sơn" (1987) và "Dong Son Drums in Vietnam" (1990), cả hai do Viện khảo cổ học công bố.

Trống đồng Đông Sơn chỉ là một giai đoạn, dù dài mấy đi nữa, trong tiến trình lịch sử lâu dài của người Mường. Nó xuất hiện sau cạp váy Mường, ít nhất đồng thời với cạp váy Mường và biến mất trong khi cạp váy Mường vẫn tồn tại từ cổ xưa khi người Mường ra đời cho đến khi nào họ còn tồn tại với tư cách một tộc người riêng. Nó tiếp thu và phát triển hoa văn cạp váy. Trong khi đó cạp váy Mường khi văn minh Đông Sơn chấm dứt vẫn tồn tại và tiếp thu thêm các ảnh hưởng khác như Rông...

Còn người Kinh chúng ta lại thoát thai từ chính người Mường. Người Kinh thành một tộc người riêng, tự phân biệt với Mường vào quãng từ cuối thế kỷ III trước Công lịch cho đến khoảng Hai Bà Trưng phát cờ nương tử nhưng thất bại (40 - 43). Khi này người Mường sống quanh vùng Phong Châu, Cổ Loa, Luy Lâu (Đâu) và vùng đồng bằng sông Hồng chịu quá nhiều họa binh đao, các cuộc bể dâu lịch sử từ Thục Phán, qua Triệu Đà rồi tới Hán xâm lăng, sự đàn áp của Mã Viện và sự tăng tốc quá trình Hán hóa, do vậy họ đã trở nên khác biệt với người Mường mạn đồng rừng.

Một điều vô cùng quan trọng là người Mường ở châu thổ sông Hồng đã tiếp thu đạo Phật từ Ấn Độ truyền sang. Điểm chính yếu là họ chấp nhận Phật vì Phật phù hợp với điều kiện xã hội phong kiến hóa ở vùng

thấp và trung du, cũng như Phật đáp ứng nhu cầu tinh cảm, tín ngưỡng của cư dân ở vùng đồng bằng và trung du được xoa dịu nỗi khổ tinh thần sau khi cuộc vùng dậy của Hai Bà Trưng bị đàn áp man rợ. Cư dân vùng đồng bằng buộc phải sống dưới ách thống trị trực tiếp của Hán tộc. Họ tiếp thu thêm ảnh hưởng của Đạo giáo và Nho giáo. Người Mường vùng trung du, hạ du sông Hồng do vậy biến thành người Kinh. Cư dân Mường tại miền ngược vẫn bảo lưu nguyên vẹn cộng đồng truyền thống với hai mặt đối lập đồng thời là hai cặp song song tồn tại - lang đạo, quý tộc và binh dân, do vậy bảo lưu được văn hóa truyền thống.

Người Mường không biểu hiện tài năng mỹ thuật trong nhà sàn và *phà* (chăn) của họ như người Thái mà dồn vào trang phục, trong khi đó chỉ có mỗi bộ phận trang phục là cạp váy biểu hiện tài năng nghệ thuật tạo hình của họ. Nếu tách cạp váy riêng ra thì áo và váy của phụ nữ Mường lại đơn điệu, chỉ gồm hai màu đen và trắng. Chính cạp váy là sự tổng hợp ba bộ phận váy, áo, cạp váy, tạo nên nét đặc sắc của nghệ thuật trang trí Mường là *sự trang nhã*, như Từ Chi vạch ra.

Còn người Kinh chúng ta trong khi tràn xuống đồng bằng và duyên hải - có thể nói chính người Kinh đã tạo nên đồng bằng - đã đánh rơi mất cái cạp váy mà chỉ còn giữ lại cái áo và cái váy đơn điệu của người Mường để rồi sau nữa dùng thêm cái quần thắm hay quần nâu. Quần áo phụ nữ Kinh với màu sắc sặc sỡ chỉ dùng trong lễ hội và nó đơn giản chỉ là những miếng vải có màu sắc rực rỡ khác nhau xếp bên nhau. Hoa văn trang trí với những họa tiết phức tạp ở người Mường đã biến mất. Cuộc sống lao động hàng ngày vất vả bán mặt cho đất, bán lưng cho trời dưới ánh nắng chói chang đã làm rơi mất cái tróc váy Mường sặc sỡ kia. Nếu quan sát ta thấy người Kinh chúng ta có y phục với màu sắc và hoa văn tẻ nhạt

hơn cả trong số 54 dân tộc anh em sống trên đất nước Việt Nam thì ta hoàn toàn có thể giải thích được điều này. Song đó không phải là vấn đề chính mà bài viết này muốn nêu. Cũng chính vì sống ở đồng bằng và trung châu quanh Kinh đô, dễ tiếp thu nhiều luồng ảnh hưởng đến từ bên ngoài và với y phục ít màu sắc, gần như không có hoa văn nên người Kinh, đặc biệt dân Thăng Long - Hà Nội dễ dàng tiếp nhận trang phục phương Tây. Đây cũng là điểm khác biệt giữa người Việt ta với dân cư các nước Đông Nam Á láng giềng. Những nước này bên cạnh Âu phục người ta vẫn tiếp tục sử dụng trang phục truyền thống dân tộc với màu sắc và hoa văn sặc sỡ, đàn ông vẫn quấn *sàroong* (vá), đừng nói tới đàn bà.

Có ý kiến quan niệm rằng chủ nhân văn hóa Đông Sơn không hẳn chỉ là một tộc người mà là nhiều tộc người. Riêng tôi, tôi đồ rằng chỉ một tộc người duy nhất, người Mường cổ tức Lạc Việt, là chủ nhân chân chính và đích thực văn hóa Đông Sơn. Họ chính là kẻ sáng tạo trống đồng kỳ diệu. Tuy nhiên vùng ảnh hưởng của Đông Sơn rất rộng, vượt ra khỏi lãnh thổ quốc gia Lạc Việt. Nhiều tộc Người khác, không phải Mường cổ - Lạc Việt cũng hội nhập vào văn hóa Đông Sơn, chịu ảnh hưởng của nó ít hay nhiều, thần phục thủ lĩnh Lạc Việt là Hùng Vương.

Người Mường cổ - Lạc Việt là kết quả của một sự hỗn dung văn hóa, tộc người chủ yếu giữa dân cư của hai nhóm có nguồn gốc Thái Trắng - Tây cổ và Môn - Khơ-me cổ. Tuy nhiên không loại trừ sự tham gia của các thành phần thứ ba. Ngay nhóm Thủy Tinh có gốc gác Nam Đảo, dù là kẻ xâm lăng vùng đất của Hùng Vương, sau lại gây hấn với nhóm Sơn Tinh, nhưng chính họ có thể cũng tham gia vào việc cấu thành người Mường cổ ở một mức độ nhất định. Các tộc người, trong trường kỳ lịch sử sống

gần nhau thường hay gây chiến với nhau, song họ cũng lại hay hòa huyết với nhau. Đó là một luật của lịch sử, mà lại là luật sắt đá.

Nếu ta thấy trên mặt các trống đồng Lạc Việt những hoa văn, hoa tiết có nét hao hao với khoa học trang trí của người Chăm cùng các tộc người gốc nam Đảo và Môn - Khơ-me ở Tây Nguyên thì ta cũng không lấy gì làm lạ. Bởi chính nhóm Nam Đảo cũng tham gia một phần vào việc hình thành nên người Mường cổ, chủ nhân văn hóa Đông Sơn. Còn người Môn - Khơ-me thì đương nhiên họ tham gia vào quá trình này. Tuy nhiên, đó là đồng tộc của những người Môn - Khơ-me ở Tây Nguyên, nhưng sinh tụ mạn Tây Bắc, Ba Vì, sông Mã, sông Cả... tức miền Bắc Đông Dương. Cũng không phải chính người Chăm hay các giống người Nam Đảo khác trên cao nguyên trung phần (Gia-rai, Ê-đê, Chu-ru) tham gia trực tiếp vào sự hình thành người Mường cổ, nói cách khác là tham gia vào sự cấu thành chủ nhân văn minh Đông Sơn mà đồng tộc của họ ở phương Bắc đã tham gia vào quá trình lịch sử này. Còn sự giống nhau giữa hoa văn *phà* Thái và hoa văn trống Đông Sơn không khó giải thích. Rất có thể dân cư Mường cổ đã tiếp thu mô-típ trang trí của *phà* Thái để tạo dựng hoa văn của họ. Nếu Condominas nhận thấy có sự giống nhau giữa cột đâm trâu ở Tây Nguyên và hoa văn Đông Sơn và nếu trên mặt trống đồng có khắc họa những hình vẽ giống như nhà Rông ở cao nguyên miền Thượng thì điều đó có nghĩa là đồng tộc của các dân tộc Tây Nguyên (Môn - Khơ-me và Nam Đảo) ở miền Bắc tham gia vào sự cấu thành tộc người chủ thể của văn hóa Đông Sơn.

Điểm tôi muốn nhấn mạnh ở đây chỉ là họa tiết trang trí trên cặp váy Mường hay trong văn hóa Chăm và nhiều tộc người ở Tây Nguyên mà không ít học giả Âu Tây nhận thấy giống nhau không phải là hệ quả của sự phiên bản hoa văn trống Đông Sơn -

Lạc Việt vào văn hóa của họ mà chính là sự ngược lại. Hoa văn cạp váy Mường đã đi vào hoa văn trang trí trống Đông Sơn. Mà hoa văn của nhóm Thái Trắng - Tây cổ (Hùng Vương) và các nhóm Môn - Khơ-me (Sơn Tinh) và Nam Đảo (Thủy Tinh) ở bắc Đông Dương thì được người Mường cổ tiếp nhận. Chính bởi vậy nên mới có sự ngộ nhận của nhiều học giả làm thành một trào lưu quốc tế cho rằng cư dân thời đại Đông Sơn sau khi Đông Sơn kết thúc đã làm thành người Mường và tham gia vào cả thành phần dân tộc Chăm cũng như nhiều tộc người khác gốc Nam Đảo và Môn - Khơ-me tại cao nguyên miền Thượng.

J.Cuisinier viết:

"Dân tộc sống ở Đông Sơn, theo ý kiến của ông Golubep có thể đã bị hút một phần vào người Mường, và có thể một phần thu hút vào người Chăm..."(4).

Từ Chi cho rằng mô-típ trang trí trên mặt trống đồng sau khi Đông Sơn giải thể đã được tích hợp vào người Chăm, nhiều tộc ở Tây Nguyên, tích hợp đậm đặc ở tộc người Mường yêu dấu của chúng ta.

Trong bài "*Độc "người Mường"*" viết gần đây (8-1995), không lâu trước khi mất, Từ Chi cho rằng hoa văn cạp váy Mường "*có vạch lại một cách khá rõ, tuy chưa đầy đủ, hoa văn trên mặt trống đồng Đông Sơn. Mà cả đa số hình họa lẫn bố cục chung...*"(5).

Nhưng ý kiến trên đây chỉ càng góp phần chứng tỏ rằng cạp váy Mường có trước, trống Đông Sơn xuất hiện sau. Câu trên của Từ Chi có thể viết lại là: *mặc dù giống nhau cả về đa số hình họa lẫn bố cục chung chung hoa văn cạp váy Mường xuất hiện trước nên đơn sơ hơn, hoa văn trên trống đồng có phần phức tạp hơn.*

↳ Nhưng dù cạp váy Mường có trước trống Đông Sơn hay cả hai xuất hiện song song thì bất kỳ trường hợp nào cũng chỉ là biểu hiện của một thực trạng sau đây; *hoa văn*

cạp váy Mường là hoa văn trống Đông Sơn, cả hai đều chỉ là những dạng thức biểu hiện khác nhau của văn hóa Mường cổ - Lạc Việt.

Có người lớn tiếng khẳng định Tây Nguyên là âm vang Đông Sơn. Thực ra Tây Nguyên không hề là âm vang Đông Sơn mà chỉ có người Mường hiện nay mới là âm vang đích thực của Đông Sơn mà thôi. Tây Nguyên thời hiện đại (TK XX) chỉ là nơi các công xã nguyên thủy đang tan rã. Tây Nguyên bao la nơi nhiều dòng sông bắt đầu chảy, nơi đây tập trung lực ly tâm, do vậy không hình thành được những nhà nước. Châu thổ sông Hồng là nơi tập trung đậm đặc các lực hướng tâm, do vậy đã hình thành nên được nhà nước Văn Lang, văn minh đồng và tộc người Mường cổ - Việt cổ. Trống Đông Sơn, loại thượng hạng, được người Mường cổ - bộ phận ở đồng bằng và trung châu - đúc. Bí quyết đúc trống đồng loại I chỉ thuộc về Hùng Vương, thủ lĩnh tối thượng của người Lạc Việt - Mường cổ và dòng họ của ông ta. Khi dòng họ Hùng Vương bị diệt, rồi khi Hai Bà Trưng và Bà Triệu thất bại, dân tắt một nền văn minh cổ rực rỡ, bí quyết đúc trống loại I cũng mất theo. Bộ phận người Mường còn lại trên vùng rừng núi thì không nắm được bí quyết này. Họ chỉ sở hữu công nghệ đúc trống đồng loại II. Nhưng cạp váy Mường thì còn đó đến hôm nay.

CHÚ THÍCH:

1. Trần Từ, *Hoa văn Mường*, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội, 1978.
2. *Hùng Vương dựng nước*, tập I, Nxb KHXH, Hà Nội, tr.195.
3. *Hoa văn Mường*, tr.95-96.
4. *Người Mường - Địa lý nhân văn và xã hội học*, Nxb Lao động, Hà Nội, 1995, tr.653.
5. *Người Mường - Địa lý nhân văn và xã hội học*, tr.12.